

Bắc Nha Trang, ngày 30 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC TÀI CHÍNH
Năm học 2024-2025

SỐ LIỆU CỤ THỂ:

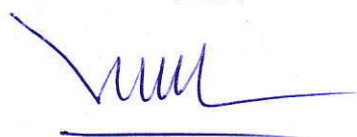
	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Quyết toán chi NSNN 2024	Chi NSNN 2025	
					Dự toán	Ước thực hiện
	A	B	C	1	2	3
I	Chi thường xuyên	triệu đồng	01	5.216,182	6.157,79	6.157,79
1.	Giáo dục Mầm non	triệu đồng	02	5.216,82	6.157,79	6.157,79
1.1	Chia theo nguồn:			5.216,82	6.157,79	6.157,79
1.1.1	Nguồn NSNN	triệu đồng	03	5.216,82	6.157,79	6.157,79
1.1.2	Nguồn phí, lệ phí để lại	triệu đồng	04			
1.1.3	Nguồn khác	triệu đồng	05			
1.2	Chia theo nhóm chi:			2.116,00	2.456,00	2.456,00
1.2.1	Chi thanh toán cá nhân	triệu đồng	06	4.507,31	5.359,59	5.359,59
1.2.2	Chi hàng hóa dịch vụ	triệu đồng	07	277,66	494	494
1.2.3	Chi hỗ trợ và bổ sung	triệu đồng	08			
1.2.4	Các khoản chi khác	triệu đồng	09	431,85	304,2	304,2
2	Đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức	triệu đồng	18			10
				4	10	
2.1	Chia theo nguồn:			4	10	10
2.1.1	Nguồn NSNN	triệu đồng	19	4	10	10
2.1.2	Nguồn phí, lệ phí để lại	triệu đồng	20			
2.1.3	Nguồn khác	triệu đồng	21			

2.2	Chia theo nhóm chi:			4	10	10
2.2.1	Chi thanh toán cá nhân	triệu đồng	22	4	10	10
2.2.2	Chi hàng hóa dịch vụ	triệu đồng	23			
2.2.3	Chi hỗ trợ và bổ sung	triệu đồng	24			
2.2.4	Các khoản chi khác	triệu đồng	25			

Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học 2024-2025

TT	Nội dung	Thu	Chi	Tồn
1	Học phí (không thu)			
2	Khác			
3	Kinh phí theo NQ12			
	Tiền ăn	1.976.905.000	1.941.265.000	35.702.583
	Phục vụ Bán trú	458.870.000	458.869.957	43
	Hỗ trợ Bán trú	187.850.000	187.850.000	0
	Nước uống	45.882.000	45.882.000	0
	Trang trí	28.870.000	28.819.800	50.200
	SỔ LLĐT	34.644.000	34.608.000	34.000
	Đồ dùng	16.168.000	16.168.000	0
4	Quỹ CMTE	15.255.000	15.250.000	5.000
5	XHHGD (nếu có)	54.550.000		
	Cộng 1,2,3	2.818.994.000	2.728.712.757	35.791.826

KẾ TOÁN



Võ Lê Thanh Trúc



Trần Thị Phương